

Bản án số: 342/2021/DS-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 05 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
1074/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 63/2021/QĐXXST-DS
ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-DS
ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X

Trụ sở: Đường X, Phường Y, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã M, là người đại diện hợp
pháp theo Giấy ủy quyền số 069/2020/UQ-TTT.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2020, các lời khai và các biên bản hòa giải
trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng X có ông Lã M là người đại
diện hợp pháp theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Ngày 18/04/2011, ông Vũ Ngọc H có ký với Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đồng, lãi suất 2.15%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25,247,505 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36,926,600 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 1.440.000 đồng, phí vượt hạn mức là 300.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 2.772.000 đồng, lãi trong hạn là 13.395.729 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 6.228.634 đồng. Ông H sử dụng thẻ từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2018 có thanh toán cho Ngân hàng nhưng không đều, đến tháng 07/2018 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 6,228,634 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 23/10/2018 đến 30/07/2020 là 4,332,312 đồng.

Tính đến ngày 30/07/2020, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 6,228,634 đồng
- Lãi quá hạn : 4,332,312 đồng
- Lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng (2.15% x 150%)

Tổng cộng: 10,560,946 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu năm trăm sáu mươi ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng*)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông Hùng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân hàng X kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau

Buộc ông Vũ Ngọc H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2020 là 10,560,946 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu năm trăm sáu mươi ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng*) trong đó: Nợ gốc: 6,228,634 đồng; Lãi

quá hạn: 4,332,312 đồng; Lãi suất: 3.225%/tháng (2.15% x 150%). Ngân hàng tính lãi suất quá hạn 3.225%/tháng bắt đầu từ ngày quá hạn 23/10/2018 cho đến khi ông H trả hết nợ gốc là 6,228,634 đồng (lãi suất quá hạn Ngân hàng chỉ tính trên số tiền gốc).

Ngoài ra Vũ Ngọc H vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 31/7/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Do thẻ tín dụng trên chỉ một mình ông Vũ Ngọc H ký kết với Ngân hàng và thực tế Ngân hàng cũng chỉ phát hành một thẻ cho ông H nên Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình cá nhân ông H phải thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, ngoài ra không yêu cầu thêm ai phải liên đới trả cùng ông H

Bị đơn ông Vũ Ngọc H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông H vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng X có ông Lã M có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản tự khai ngày 12/5/2021 ông M xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Do ông Vũ Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng X yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Ngọc H phải trả cho Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2021 là 12,482,698 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi tám đồng*) trong đó: Nợ gốc: 6,228,634 đồng; Lãi quá hạn: 6,254,064 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Vũ Ngọc H vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 14/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

- Bị đơn ông Vũ Ngọc H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng X khởi kiện bị đơn ông Vũ Ngọc H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ là 12,482,698 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6,228,634 đồng; Lãi quá hạn: 6,254,064 đồng, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “Đ/s Vũ Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại Quận 3 không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, bán nhà đi đâu không rõ...”

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Vũ Ngọc H đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của ông H được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn Ngân hàng X có ông Lã M là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt ông Lã M.

[2.2]. Bị đơn ông Vũ Ngọc H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Ngọc H.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Nguyên đơn Ngân hàng X yêu cầu buộc bị đơn ông Vũ Ngọc H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 13/5/2021 là 12,482,698 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6,228,634 đồng; Lãi quá hạn: 6,254,064 đồng. Ngoài ra ông H vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền vay với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng X (đơn vị phát hành thẻ) cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng X phê duyệt ngày 18/4/2011 thì giữa chủ thẻ chính là ông Vũ Ngọc H và bên phát

hành thẻ là Ngân hàng X có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Master Card với hạn mức sử dụng là: 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng X và Sao kê chi tiết giao dịch của ông Vũ Ngọc H có số chứng minh nhân dân 023424769 do Ngân hàng X cung cấp thì ông H kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ để thực hiện việc rút tiền mặt vào ngày 20/5/2011 cho đến tháng 22/9/2018, trong thời gian sử dụng thẻ ông H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25,247,505 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 36,926,600 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 1.440.000 đồng, phí vượt hạn mức là 300.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 2.772.000 đồng, lãi trong hạn là 13.395.729 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 6.228.634 đồng. Từ tháng 07/2018 thì ngưng thanh toán.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*”

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về “... *Áp dụng thanh toán....*”

Căn cứ Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định “*Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ...*”

Căn cứ Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về việc vi phạm: “*việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng...*”

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét Bị đơn – ông Vũ Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Do đó việc Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 6.228.634 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 13/5/2021) là 6,254,064 đồng với lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng (2.15% x 150%) và buộc ông H

phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng X. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ Điều 22 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) quy định cách tính lãi...

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn ông Vũ Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông H sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/10/2018 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng X về việc buộc bị đơn ông Vũ Ngọc H phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 13/5/2021): 6,254,064 đồng và buộc ông H phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng X là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng X được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 624.135 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng X.

1.1 Buộc ông Vũ Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền 12,482,698 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6,228,634 đồng; Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 13/5/2021): 6,254,064 đồng

Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vũ Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiểm hợp đồng được Ngân hàng X phê duyệt ngày 18/4/2011 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 624.135 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi bốn nghìn một trăm ba mươi lăm đồng*)

Hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0007307 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phan Thị Hoa